TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2023
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và bà Nguyễn Thị Bình.

- **Thư ký phiên toà**: Bà Hoàng Thị Thuỳ Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà**: Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2023 tại trụ sở TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 213/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/07/2023 về tranh chấp: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXX-ST ngày 03/8/2023; Quyết định hoãn phiên toà số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Công T, sinh năm 1963; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1967; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Đồng Hởi, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Anh Phạm Công Th2, sinh năm 1985; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các bên đương sự, trình bày: Ông T, bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/07/2017. Theo Ông T xác định, vợ chồng chung sống được khoảng thời gian ngắn khoảng 2 tuần thì bà H đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Đến khoảng năm 2020 thì bà H không còn về chung sống với ông nữa mà thờ ơ, vô cảm, không quan tâm tới ông. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị ly hôn bà H. Bà H xác định, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà phải đi làm ăn kinh tế nhưng Ông T không

thông cảm mà yêu cầu bà phải ở nhà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T, bà H xác định ông bà không có con chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản, nợ, công sức: Ông T xác định ông bà không có tài sản chung, nợ, công sức đóng góp với gia đình hai bên nên không đề nghị Toà án giải quyết. Bà H xác định vợ chồng không có tài sản chung, công sức. Về nợ, bà trình bày khi về chung sống bà có đưa cho Ông T (qua hình thức chuyển khoản cho Ông T, chị Th, anh Th2 – con riêng của Ông T) tổng số tiền 92.000.000 đồng, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà không làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết số tiền trên.

Tại biên bản lấy lời khai, anh Th2 là con riêng của Ông T, xác định: Mâu thuẫn giữa các bên đương sự đã trầm trọng, được gia đình động viên khuyên bảo nhưng không thành, hiện tại không còn biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân. Anh Th2 đề nghị giải quyết cho hai bên đương sự ly hôn. Anh Th2 xác định anh và chị Thiện cũng như Ông T không nhận số tiền tổng cộng 92.000.000 đồng qua hình thức chuyển khoản như bà H trình bày.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, trừ bà H. Về nội dung vụ án, đề nghị, áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án, Xử, Ông T ly hôn bà H; Ông T được miễn toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2]. Về hôn nhân: Ông T, bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/07/2017, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn sự tin tưởng, tôn trọng nhau và đã sống ly thân, việc ai người đó làm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà H để làm việc, tham gia phiên hòa giải, mục đích tìm kiếm biện pháp cải thiện tình trạng hôn nhân với Ông T, nhưng bà H không đến, tỏ thái độ thờ ơ, bất cần và không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân; còn Ông T thì cương quyết xin ly hôn bà H, điều này chứng tỏ giữa hai bên đương sự không tha thiết, mong muốn tìm kiếm biện pháp để đoàn tụ hôn nhân. Theo chính quyền địa phương, người

thân trong gia đình của đương sự, đều xác định mâu thuẫn giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, sống ly thân và không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của Ông T cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử, Ông T ly hôn bà H.

[3] Về con chung: Xác định Ông T, bà H không có con chung, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Ông T, bà H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày khi về chung sống với Ông T bà có đưa cho Ông T 92.000.000 đồng để sửa chữa nhà và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, nếu trường hợp ly hôn bà đề nghị Ông T phải hoàn trả bà số tiền trên. Tuy nhiên, bà H không cung cấp được tài liệu chứng minh, không làm đơn yêu cầu giải quyết số tiền trên và nộp tạm ứng án phí theo quy định mặc dù đã được Toà án giải thích đầy đủ quyền, nghĩa vụ. Ông T không thừa nhận nội dung này, không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ. Vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Ông T được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Công T ly hôn bà Bùi Thị H.

2. Về án phí: Ông Phạm Công T được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã H, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tuân